

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2022/QĐ-UBND

Hoà Bình, ngày 23 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Hoà Bình ban hành kèm theo Quyết định 05/2019/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 474/TTr-STC ngày 07 tháng 10 năm 2022; Ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Văn bản số 410/HĐND-CTHĐND ngày 15 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Hoà Bình ban hành kèm theo Quyết định 05/2019/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; như sau:

“Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị

STT	Loại diện tích/Đơn vị	Diện tích tối thiểu (m ²)	Diện tích tối đa (m ²)
I	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính		
1	Các Sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh	40	60
2	Trung tâm Hành chính công của tỉnh	800	1.100
3	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố	100	200
4	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn	40	60
II	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân		
1	Các Sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh	35	50
2	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	60	80
3	Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các phòng ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố	25	30
4	Trụ sở tiếp công dân của tỉnh	150	300
III	Diện tích phòng quản trị hệ thống công nghệ thông tin		
1	Các Sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh	30	40
2	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	30	40
3	Ủy ban nhân dân xã, phường và thị trấn	20	30
IV	Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ trở lên) tính cho 1 chỗ ngồi (theo quy mô biên chế được duyệt) không kể sân khấu	1	1,8
V	Diện tích kho chuyên ngành như: Kho bảo quản các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của ngành		
1	Kho quản lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính		
1.1	Kho tại Thanh tra giao thông vận tải quản lý	150	300
1.2	Kho tại các đội trực thuộc Thanh tra giao thông vận tải quản lý	200	350

1.3	Kho tại Chi cục Kiểm lâm và các Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố	100	200
1.4	Kho bảo quản vật chứng vụ án Sở Tài chính do Thi hành án tỉnh chuyển giao	200	400
2	Kho lưu trữ, bảo quản tài liệu, chứng từ, hồ sơ dự án...		
2.1	Các Sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh	150	200
2.2	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Hòa Bình	500	800
2.3	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	300	600
2.4	Các đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh	100	200
2.5	Ủy ban nhân dân xã, phường và thị trấn và các phòng ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	100	200
VI	Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức		
1	Phục vụ nhiệm vụ đặc thù các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã và thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường và thị trấn: trực ban phòng, phòng chống thiên tai, truyền thanh, truyền hình...	80	150

”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 12 năm 2022.

Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Quyết định 05/2019/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quách Tất Liêm